

Bản án số: **51/2023/HS-ST**.

Ngày 01 - 12 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Trịnh Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn H Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2023/TLST - HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Âu Thị M (tên gọi khác: Không), S ngày 04/10/1984 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn 17, xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 07/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; con ông Âu Văn L và bà Dương Thị D; có chồng Lý Văn C (đã ly hôn) và 02 con.

* Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: Ngày 21/01/2023, Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Lý Vạn, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Qua lại biên giới Quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Lê T, S năm 1990;

- Chị Lý Thị H, S năm 1978;

- Anh Lý Nguyên T1, S năm 2003;

Cùng địa chỉ: Thôn 17, xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

* *Người làm chứng:*

- Chị Vương Thị Minh, S năm 1993;

- Anh Lý Đức L, S năm 1972;

- Chị Đỗ Thị S, S năm 1974;

Cùng địa chỉ: Thôn 17, xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2018, Âu Thị M xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê ở xưởng cá đông lạnh thuộc tỉnh Phúc Kiến. Thông qua những người cùng làm, M có tài khoản Zalo của người phụ nữ tên T2 (không xác định họ và địa chỉ) là người môi giới dẫn người xuất cảnh trái phép. Khoảng tháng 10/2019, M nhập cảnh trái phép về Việt Nam. Đến tháng 7/2020, do không có việc làm nên M và Nguyễn Văn M1 (bạn của M), cư trú tại thôn Làng Ngàn, xã Vũ Linh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái liên lạc điện thoại qua Zalo với Thủy đề nhờ hướng dẫn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, T2 đồng ý và nói chi phí đi là 2.600 NDT/01 người, lên đến bến xe khách tỉnh Hà Giang sẽ bố trí người đón, đưa sang Trung Quốc.

Sau đó M nói với Lý Nguyên T1 (con M) ở nhà tìm việc làm và trông nom nhà cửa, do T1 biết M chuẩn bị đi Trung Quốc làm nên T1 xin đi cùng nhưng M không đồng ý. T1 tiếp tục xin đi, M điện thoại cho M1 nói về việc T1 xin đi Trung Quốc cùng nhưng M1 can ngăn vì làm việc tại Trung Quốc vất vả, T1 không làm được. M vẫn quyết định cho T1 đi cùng.

Cùng thời gian này, M vào tài khoản mạng xã hội Facebook đăng tin với nội dung: *“Ở nhà chán quá, không có tiền, phải đi kiếm tiền thôi”*, sau đó M nhận được tin nhắn qua Facebook của Trần Lê T (ở cùng thôn) với nội dung *“Chị định đi đâu làm, có đi Trung Quốc nữa không?”*, M trả lời: *“Chị đang muốn sang Trung Quốc làm tiếp”*, T xin M đi cùng, M không đồng ý và M điện thoại hỏi ý kiến của M1, M1 không đồng ý. Do T tiếp tục xin đi nên M đồng ý và cho T biết chi phí đi sang Trung Quốc là khoảng 2.600 NDT (khoảng 9.000.000 đồng - 10.000.000 đồng), cách thức đi là xuất cảnh trái phép, thời gian đi sẽ thông báo sau. Trong lần đi chợ ở khu vực ngã ba thôn 17, xã K, M gặp Lý Thị H (ở cùng thôn), H hỏi M: *“Sắp tới có đi đâu làm không?”*, M nói sắp tới sẽ đi làm thuê ở Trung Quốc, qua nói chuyện H biết M sẽ đến làm cùng xưởng với Lý Đức L (anh trai H, đang ở Trung Quốc làm thuê từ tháng 6/2019) nên H xin M đi cùng. M nói cho H cách thức đi Trung Quốc là đi “chui” (xuất cảnh trái phép) rồi M điện thoại cho M1 biết việc H xin đi cùng nhưng M1 không đồng ý. Do H tiếp tục xin đi nên M đã đồng ý. M bảo H chi phí đi sang Trung Quốc là 2.600 NDT/01 người, thời gian đi sẽ thông báo sau. M gọi điện thoại qua Zalo cho Thủy thông báo về số lượng người đi, Thủy đồng ý và bảo M đến ngày 25/7/2020 sẽ đưa đi Trung Quốc. M thông báo cho M1 và thống nhất với Thủy, H là 06 giờ ngày 25/7/2020 tập trung ở khu vực cây Đa, thôn 17, xã K, thành phố Tuyên Quang để đón xe đi.

Khoảng 06 giờ sáng ngày 25/7/2020, M1 đi xe khách từ Yên Bái qua Tuyên Quang để đi Hà Giang (không xác định tên nhà xe và biển số xe), khoảng 07 giờ cùng ngày khi xe ô tô đến địa điểm mọi người chờ thì M cùng T1, Thủy và H lên xe ô tô cùng M1 đi Hà Giang. Khoảng 12 giờ cùng ngày đến bến xe khách Hà Giang (tiền xe mọi người tự trả), M gọi điện thoại qua Zalo thông báo cho Thủy biết, Thủy hướng dẫn M tìm chỗ nghỉ, khi nào có xe đến đón thì sẽ thông báo và bảo M gửi số điện thoại cho Thủy để người đón liên lạc rồi M cùng mọi người vào nhà nghỉ gần bến xe. Khi đang ở nhà nghỉ M1 nhận được tin nhắn của Thủy qua Zalo với nội dung bảo M1 chụp ảnh những người đi gửi cho Thủy. Đến khoảng 10 giờ ngày 26/7/2020 có 01 người đàn ông (không xác định họ tên và địa chỉ) gọi điện thoại bảo M ra cổng nhà nghỉ để đón, đưa đi. Nhóm M trả phòng, thanh toán (mọi người tự trả tiền), M1 nhờ chủ nhà nghỉ chụp ảnh cả nhóm và gửi cho Thủy. Sau đó, nhóm M được 01 xe khách (không xác định tên nhà xe và biển số xe) đón. Khoảng 19 giờ cùng ngày đến khu vực biên giới huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang nhóm M được 02 người đàn ông (không xác định họ tên và địa chỉ) dẫn đi lên đồi để chờ xe đón cùng với nhiều nhóm người khác. Khoảng 05 giờ ngày 27/7/2020 nhóm M được 02 người ông đưa đi bộ, khoảng 16 giờ cùng ngày đến khu vực bờ sông (không rõ địa danh) là ranh giới giữa Việt Nam và Trung Quốc thì 02 người đàn ông thu tiền là 2.600 NDT/01 người (khoảng 9.000.000 đồng) M, T và H đưa tiền cho M1 để M1 đưa cho người đàn ông. Khoảng 17 giờ cùng ngày, nhóm M được đưa lên bè mảng qua sông sang Trung Quốc rồi cả nhóm tiếp tục đi bộ theo người đàn ông dẫn đường, khoảng 24 giờ cùng ngày có 01 xe ô tô đón đi trên đường cao tốc. Đến khoảng 10 giờ ngày 29/7/2020 nhóm M đến xưởng cá đông lạnh tại Phúc Kiến, Trung Quốc. Sau đó M cùng M1, T, H và T1 ký hợp đồng làm việc cắt cá, đóng vào lon, lương từ 6.000 đến 7.000 NDT/01 tháng. Quá trình làm việc tại xưởng, nhóm M gặp Lý Đức L và Đỗ Thị S (02 vợ chồng) và Trần Thị Ngân (đều ở cùng thôn 17, xã K).

Tháng 11/2020, Trần Lê Thủy điện thoại cho Vương Thị M1 (vợ T) rủ sang làm cùng, M1 đồng ý. Sau đó Thủy điện thoại liên hệ với người đàn ông tên Hải (không xác định họ và địa chỉ) để đưa M xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê với chi phí là 2.800 NDT/01 người và nói với T bảo M1 lên Bến xe khách Cao Bằng sẽ có người đón. Khoảng 09 giờ ngày 26/11/2020, M đi xe khách đến Cao Bằng, Minh được 01 người đàn ông (không xác định họ tên và địa chỉ) đưa lên xe ô tô 16 chỗ (không xác định biển số xe) đến khu vực biên giới thì có 01 người đàn ông (không xác định họ tên và địa chỉ) đón, đưa đi qua khu vực biên giới sang Trung Quốc, sau đó có 01 xe ô tô đến đón, khoảng 05 giờ ngày 28/11/2020 M1 đến xưởng cá nơi T làm việc.

Quá trình làm tại xưởng cá đến tháng 7/2022, Lý Nguyên T1 cùng người đàn ông tên Lợi (ở tỉnh Lai Châu, làm cùng xưởng với T1) nhập cảnh trái phép qua khu vực biên giới tỉnh Cao Bằng về Việt Nam thì bị Đồn biên phòng Cửa khẩu Lý Vạn, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng phát hiện và xử lý. Đến giữa tháng 01/2023 M, T, M, H, L và S về Việt Nam để đón Tết Nguyên đán. Thông qua người phụ nữ tên Huê, Thủy nhờ Huê liên hệ với nhà xe đón nhóm của Thủy về Việt Nam, H đồng ý. Ngày 18/01/2023 cả nhóm nhập cảnh trái phép về Việt Nam

qua khu vực biên giới thuộc tỉnh Cao Bằng bị Đồn Biên phòng Cửa khẩu Lý Vạn, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng phát hiện và xử lý.

Tại Cáo trạng số 52/CT-VKSTQ-P2 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Âu Thị M về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Lê Thùy, Lý Thị H và Lý Nguyên T1 khai tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều khai nhận bị cáo không rủ rê mà các anh chị tự nguyện xin bị cáo đi cùng, mục đích để kiếm thêm thu nhập cho bản thân, bị cáo cũng không được hưởng lợi bất kỳ khoản tiền nào khi anh chị xuất cảnh trái phép. Những người có quyền lợi liên quan xác định có một phần lỗi và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Kết thúc phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Âu Thị M phạm tội: Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Âu Thị M** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Tuyên trả tự do cho bị cáo Âu Thị M ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về tội nào khác.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Âu Thị M không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận, mục đích xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để kiếm thêm thu nhập và không có ý định rủ hay cho ai đi cùng, tuy nhiên khi T1 là con và Thùy, H là hàng xóm năn nỉ bị cáo cho được đi cùng để kiếm tiền thì bị cáo đã đồng ý, trong quá trình xuất cảnh trái phép cùng những người trên thì bị cáo không thu tiền gì và cũng không được hưởng lợi bất kỳ khoản tiền nào.

Hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; của những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa không phát S thêm tình tiết mới. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 25/7 đến ngày 27/7/2020, Âu Thị M, cư trú tại thôn 17, xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện hành vi tổ chức cho 03 người, gồm: Lý Nguyên T1 (con M), Trần Lê T và Lý Thị H cùng ở thôn 17, xã K, thành phố Tuyên Quang trốn đi Trung Quốc lao động trái phép, tại khu vực biên giới huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Âu Thị M về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, ảnh hưởng xấu đến an ninh khu vực biên giới. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép là vi phạm pháp luật nhưng đã thực hiện với lỗi cố ý. Tuy nhiên, trong vụ án này việc bị cáo tổ chức xuất cảnh trái phép cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xuất phát từ việc những người này (Gồm con trai và hàng xóm của bị cáo M) xin bị cáo cho đi cùng, bị cáo không được hưởng lợi bất kỳ khoản tiền nào trong suốt quá trình xuất cảnh trái phép. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; có ông nội được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; có bác ruột được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo mức án phạt tù nhưng cho hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, do bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo Âu Thị M được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Do bị cáo đang bị tạm giam, nên cần áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả tự do cho bị cáo Âu Thị M ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về tội nào khác.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động chính nhưng không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Đối với Nguyễn Văn M1 có hành vi liên hệ, chụp ảnh chuyên cho người phụ nữ tên Thủy, cầm tiền của những người trong nhóm đưa cho người dẫn đường để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, do hành vi không cấu thành tội phạm; Hành vi của Trần Lê T tổ chức đưa Vương Thị M2 (vợ Thủy) trốn sang Trung Quốc để lao động trái phép vào ngày 26/11/2020, hành vi tuy có dấu hiệu tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể không phải là tội phạm nên không đề cập xử lý.

Đối với Vương Thị Minh ngày 26/11/2020 thực hiện hành vi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, do hành vi cấu thành tội phạm nên Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Tuyên Quang đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Minh về tội Vi phạm quy định về xuất cảnh quy định tại khoản 1, Điều 347 Bộ luật Hình sự, hiện vụ án đã truy tố để xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với Trần Thị Ngân: Tháng 6/2019, Ngân cùng Lý Đức L, Đỗ Thị S xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, hiện Ngân không có mặt tại địa pH. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định số 02/QĐ-ANĐT ngày 24/10/2023 tách tài liệu liên quan để tiếp tục kiểm tra, xác minh đối với Trần Thị Ngân.

Đối với các hành vi xuất, nhập cảnh trái phép (tháng 02/2018, tháng 10/2019, ngày 25/7/2020) của Âu Thị M; hành vi xuất cảnh trái phép của Lý Nguyên T1, Trần Lê Thủy và Lý Thị H (ngày 25/7/2020); Lý Đức L và Đỗ Thị S (tháng 6/2019) do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không đề cập xử lý. Hành vi nhập cảnh trái phép của Lý Nguyên T1 (tháng 7/2022), Âu Thị M, Trần Lê T, Lý Thị H, Vương Thị M, Lý Đức L và Đỗ Thị S (ngày 18/01/2023) bị Đoàn biên phòng Cửa khẩu Lý Vạn, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 3.000.000 đồng).

Đối với những người phụ nữ tên Thủy, Huê, Anh; những người đàn ông tên Lợi, Vinh, Hải do không có đủ thông tin và những người đàn ông không xác định họ tên, địa chỉ nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Âu Thị M** phạm tội: “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Âu Thị M** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/12/2023). Tuyên trả tự do cho bị cáo Âu Thị M ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về tội nào khác.

Giao bị cáo Âu Thị M cho Ủy ban nhân dân xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Âu Thị M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 01/12/2023./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQANĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ma Hồng Thắng

